

Bản án số: 13/2025/HS-PT
Ngày: 10/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 613/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Thị Mai T** về tội “Giả mạo trong công tác”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Mai T - sinh ngày 10/8/1985 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: nguyên thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ của **UBND xã P**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn B** (chết) và bà **Phạm Thị C**; có chồng: **Nguyễn Cao T1** và có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 15/12/2023, đến ngày 10/5/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh.

Bị bắt, tạm giam lại ngày 26/9/2024. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Mai T: ông **Lê Văn M** - Luật sư của Công ty L2; địa chỉ: **tầng A, tòa nhà S, số I đường C, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Mai T là cán bộ không chuyên trách, làm việc tại Ủy ban nhân dân xã P từ năm 2012. Từ ngày 02/6/2021, **Lê Thị Mai T** được phân công giữ chức danh Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ, được phân công thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; quản lý văn bản đến, văn bản đi và văn bản qua hệ thống Office; quản lý, sử dụng con dấu của UBND xã trong giờ hành chính... (theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, sau đó được thay thế bởi Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND xã P).

Trong thời gian từ năm 2022 đến tháng 6/2023, **Lê Thị Mai T** đã nhận làm dịch vụ hồ sơ đề nghị tách thửa, đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho người dân trên địa bàn xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình làm hồ sơ, **Lê Thị Mai T** đã lợi dụng nhiệm vụ được phân công để thực hiện việc giả mạo nội dung chứng thực, giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn đang công tác tại UBND xã P và sử dụng con dấu Quốc huy của UBND xã P để đóng dấu vào các tài liệu đã được giả mạo, hoàn thành việc làm giả tổng cộng 46 tài liệu nhằm mục đích hợp thức hóa 34 hồ sơ có liên quan đến thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hưởng lợi tổng số tiền 74.650.000đồng. Cụ thể:

- Làm giả Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhận thừa kế) của bà **Lê Thị M1**. Giữa bà **M1** và **T** có mối quan hệ họ hàng nên không nhận tiền.

- Làm giả 06 Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trong, 06 đơn xin xác nhận nhân thân và 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhận thừa kế) của bà **Trần Thị L**. Bà **L** đưa cho **T** số tiền 10.800.000đồng, trừ số tiền **T** nộp lệ phí 3.954.976đồng cho chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Đ (đã nộp trước), **T** hưởng lợi 6.845.024đồng.

- Làm giả 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Trần T2**. Sau khi nộp lệ phí, **T** hưởng lợi số tiền 3.657.000đồng.

- Làm giả 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi) của ông **Huỳnh Quang K**, hưởng lợi số tiền 2.000.000đồng.

- Làm giả 01 Đơn xác nhận nhân thân trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tặng cho) của bà **Nguyễn Thị T3**. Sau khi trừ tiền lệ phí, **T** hưởng lợi 1.810.000đồng.

- Làm giả 01 Đơn xác nhận nhân thân trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tặng cho) của ông **Nguyễn K1**. Sau khi trừ tiền lệ phí, **T** hưởng lợi 1.914.959đồng.

- Làm giả 02 Đơn xác nhận nhân thân trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tặng cho) của ông **Lê Văn P.** Giữa **T4** và ông **P** có mối quan hệ họ hàng nên không nhận tiền.

- Làm giả 01 Đơn xác nhận nhân thân trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Huỳnh Văn A.** Sau khi trừ phí chứng thực, **T4** hưởng lợi 1.500.000đồng.

- Làm giả 03 Đơn xác nhận nhân thân trong 03 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhận thừa kế) của ông **Trần Bá Q.** Sau khi trừ lệ phí, **T4** hưởng lợi 4.980.000đồng.

- Làm giả 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Trương Thị T5.** Sau khi trừ tiền lệ phí, **T4** hưởng lợi 3.577.000đồng.

- Làm giả 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Lê Văn T6.** Sau khi trừ tiền lệ phí, **T4** hưởng lợi 1.491.000đồng.

- Làm giả 05 Đơn xác nhận nhân thân trong 05 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tặng cho) của các ông, bà: **Nguyễn Thị N,** **Nguyễn Anh Đ,** **Nguyễn Thanh L1,** **Nguyễn Thị Bích T7,** **Nguyễn Đức T8.** Sau khi trừ phí chứng thực, **T4** hưởng lợi 7.628.000đồng.

- Làm giả 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Đặng Văn Đ1.** Sau khi trừ tiền lệ phí, **T4** hưởng lợi 3.452.000đồng.

- Làm giả 01 Đơn xin xác nhận người trực tiếp sản xuất lúa trên đất nông nghiệp trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Lê Anh N1.** Sau khi trừ tiền lệ phí, **T4** hưởng lợi 979.000đồng.

- Làm giả 01 Đơn xin xác nhận nhân thân trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Trần Thị N2.** Sau khi trừ tiền lệ phí, thuế, **T4** hưởng lợi 635.349đồng.

- Làm giả 01 Giấy ủy quyền trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tách thửa) của ông **Trương H.** Sau khi trừ tiền lệ phí, **T4** hưởng lợi 7.237.000đồng.

- Làm giả 01 Đơn xác nhận nhân thân trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Trương Thanh S.** Sau khi trừ lệ phí, **T4** hưởng lợi 1.510.000đồng.

- Làm giả 06 Đơn xin xác nhận nhân thân và 04 Đơn xin xác nhận nhân khẩu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Nguyễn Thị B1.** Bà **B1** nhờ bà **Nguyễn Thị Thúy H1** làm hồ sơ. Giữa **T4** và bà **H1** có mối

quan hệ họ hàng nên T4 không nhận tiền đối với việc làm giả các loại tài liệu trên.

* *Tại bản Kết luận giám định số 899/KL-KTHS ngày 04/10/2023, Phòng K3 Công an tỉnh Q kết luận:* toàn bộ chữ ký tên của các ông, bà: Lê Văn T9, Chủ tịch UBND xã; Phạm Thế D, Lữ Văn T10, Phó Chủ tịch UBND xã; Huỳnh Bá K2, Lê Thị N3, Trần H2, Công chức Tư pháp - Hộ tịch trong các tài liệu trên không phải do cùng một người ký ra. Mẫu hình dấu có nội dung “UBND XÃ PHỔ CHÂU THỊ XÃ ĐỨC PHỔ TỈNH QUẢNG NGÃI” được đóng tại các vị trí có chữ ký xác nhận đề tên ông Lê Văn T9, ông Lữ Văn T10, ông Phạm Thế D tại các tài liệu trên với hình dấu tròn của UBND xã P là do cùng một con dấu đóng ra.

* *Tại bản Kết luận giám định số 172/KL-KTHS Ngày 21/3/2024, Phòng K3 Công an tỉnh Q kết luận:* về việc trích xuất dữ liệu trong 09 USB, 02 ổ cứng gắn trong 02 CPU và 01 điện thoại di động nêu trên (dữ liệu trích xuất được sao chép vào 01 đĩa DVD). Qua kiểm tra dữ liệu không thấy nội dung liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Thị Mai T 12 (mười hai) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/9/2024, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 10/5/2024.

Cấm bị cáo làm công việc văn thư trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bị cáo Lê Thị Mai T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng án sơ thẩm xử nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Mai T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Mai T, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Thị Mia T11 thừa nhận hành

vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: **Lê Thị Mai T** là cán bộ không chuyên trách, làm việc tại **UBND xã P** từ năm 2012. Từ ngày 02/6/2021, **T** được phân công giữ chức danh Thủ quỹ - Văn thư – Lưu trữ. Trong thời gian từ năm 2022 đến tháng 6/2023, **T** đã nhận làm giúp 34 hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tách thửa, tặng cho, thừa kế) cho 22 cá nhân, gồm: **Lê Thị M1, Trần Thị L, Trần T2, Huỳnh Quang K, Nguyễn Thị T3, Nguyễn K1, Lê Văn P, Huỳnh Văn A, Trần Bá Q, Trương Thị T5, Lê Văn T6, Nguyễn Thị N, Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Thị Bích T7, Nguyễn Đức T8, Đặng Văn Đ1, Lê Anh N1, Trần Thị N2, Trương H, Trương Thanh S, Nguyễn Thị B1**. Quá trình làm thủ tục hồ sơ, **T** đã tự soạn thảo, tự làm giả nội dung chứng thực các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đơn xin xác nhận nhân thân, đơn xin xác nhận nhân khẩu, giấy xác nhận người trực tiếp sản xuất lúa trên đất nông nghiệp, giấy ủy quyền; sau đó ký giả chữ ký của người có chức vụ quyền hạn là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và các công chức Tư pháp - Hộ tịch **UBND xã P** và sử dụng con dấu Quốc huy để đóng dấu vào các tài liệu này, hoàn thành việc làm giả 46 tài liệu, sau khi hoàn thành công việc, bị cáo thu lợi 49.216.332 đồng để tiêu xài cá nhân. Xét Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Giả mạo trong công tác” là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Mai T** với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo đã có hành vi làm giấy tờ giả 46 tài liệu nên phạm vào điểm điểm a khoản 4 Điều 359 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây dư luận xấu trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T** cũng như lời bào chữa của Luật sư; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3] Do nội dung kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Mai T** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Mai T** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lê Thị Mai T** 12 (mười hai) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/9/2024, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 10/5/2024.

Cấm bị cáo làm công việc văn thư trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: bị cáo **Lê Thị Mai T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (03);
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi (03);
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi (03);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kim Liên

